TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 24 - 01 - 2019.
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương.

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hường – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 1 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 566/2018/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2019 /QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Đăng T, sinh năm: 1963.

Nơi cư trú: Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Chị Đào Thị Hồng P, sinh năm: 1972.

Nơi cư trú: Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm: 1932.

2, NLQ2, sinh năm: 1937.

Nơi cư trú: Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Chị Đào Thị Hồng P (là bị đơn).

Tại phiên toà: anh T, chị P có mặt. NLQ1, NLQ2 vắng mặt (có đơn từ chối tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện; Bản tự khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Trần Đăng T trình bày: Anh và chị Đào Thị Hồng P có thời gian tìm hiểu 5 tháng sau đó tổ chức lễ cưới. Anh chị đã đăng ký kết hôn ngày 04-3-1994 tại UBND phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1998 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian. Sau đó chị P đã về xin lỗi anh và hai vợ chồng lại chung sống. Kể từ đó đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị P đã nhiều lần xúc phạm anh và bạn anh. Tháng 2 năm 2018 chị P đã tự ý bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với anh và gia đình, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị P, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 22-11-1994. Hiện con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động, anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo anh T, trong tổng diện tích 99m^2 đất tại địa chỉ số 66 đường L, phường T, thành phố N thì chỉ có 49,5m^2 đất là tài sản riêng của anh, do anh được bố mẹ đẻ tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân vào năm 2005. Diện tích đất còn lại 49,5m^2 là tài sản chung của vợ chồng được bố mẹ anh tặng cho chung trong thời kỳ hôn nhân vào năm 2014. Anh không nhập tài sản riêng của anh vào tài sản chung của vợ chồng. Vợ chồng chỉ có tài sản chung là tiền xây nhà. Năm 2003 được sự đồng ý của bố mẹ anh, vợ chồng bỏ tiền xây nhà bê tông 2 tầng. Về trị giá nhà, đất anh nhất trí như giá mà Hội đồng định giá xác định. Vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được sử dụng nhà. Gia đình anh có nhiều anh em nhưng bố mẹ cho anh đất với ý nguyện là để anh phụng dưỡng bố mẹ khi về già, lấy chỗ tổ chức tang lễ khi bố mẹ mất. Anh làm nghề thợ mộc từ lâu rồi, đó là nghề chính để duy trì cuộc sống của anh. Để tạo điều kiện cho anh được tiếp tục kinh doanh nghề gỗ tạo thu nhập anh đề nghị được giao sử dụng nhà và anh sẽ có trách nhiệm trả chênh lệch về tài sản cho chị P theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra vợ chồng còn tài sản, gồm: 01 bộ bàn ghế ăn, 01 bộ bàn ghế phòng khách, 01 giường ngủ, 01 sập gỗ, 01 kệ ti vi bằng gỗ, 01 tủ bếp bằng gỗ, 02 tủ đựng quần áo bằng gỗ, 01 tủ tường bằng gỗ, 02 máy cưa, 05 máy tiện, 11 trụ cầu thang gỗ. Nguồn gốc số tài sản này do vợ chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân. Anh có nguyện vọng được sử dụng 02 máy tiện dùng điện 3 pha, 01 máy cưa tạo vì đó là công cụ sản xuất trực tiếp tạo thu nhập của anh, anh đang đứng tên trả hợp đồng điện sản xuất. Còn các tài sản khác, anh đề nghị Toà án giải

quyết theo quy định của pháp luật. Về trị giá các tài sản trên, anh nhất trí như giá mà Hội đồng định giá xác định. Về tiền chênh lệch anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn là chị Đào Thị Hồng P trình bày: Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh Trần Đăng T trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 8 năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, nguyên nhân do anh T không chung thuỷ và có hành vi ngược đãi chị. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 8 năm 2017, đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh T, chị xác định vợ chồng không thể cùng nhau chung sống nhưng chị không nhất trí ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung như anh T trình bày là đúng. Chị nhất trí như trình bày của anh T.

Về tài sản, chị xác định tài sản chung của vợ chồng gồm: tiền xây nhà và quyền sử dụng 99m^2 đất tại địa chỉ số 66 đường L, phường T, thành phố N. Nguồn gốc 99m^2 đất là do gia đình anh T mua trước khi anh chị kết hôn. Chị không nhất trí việc anh T xác định tài sản chung của vợ chồng là trị giá quyền sử dụng 49,5m^2 đất. Lý do 99m^2 đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cả hai vợ chồng. Năm 2014 sau khi bố mẹ anh T tặng cho vợ chồng quyền sử dụng 49,5m^2 đất một mình chị đi đăng ký quyền sử dụng đất. Việc chị đi đăng ký quyền sử dụng đất anh T có biết còn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do cơ quan có thẩm quyền. Chị nhất trí với giá do Hội đồng định giá đã định giá. Hiện chị không có chỗ ở, không có việc làm nên chị có nguyện vọng được có chỗ ở và tiếp tục làm nghề mộc. Về thanh toán tiền chênh lệch tài sản, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra vợ chồng còn một số đồ dùng sinh hoạt gia đình như anh T trình bày là đúng. Chị có nguyện vọng được nhận sử dụng 01 sập gỗ, 01 kệ ti vi bằng gỗ, 02 máy tiện gỗ, 01 máy cưa to, 07 trụ cầu thang gỗ lim, 01 tủ gỗ đựng quần áo. Về thanh toán tiền chênh lệch tài sản, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tài sản của vợ chồng còn một số gỗ vụn trong kho nữa nhưng chị không yêu cầu giải quyết.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 566/2018/HNGĐ-ST ngày 08/11/2018 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định đã Quyết định:

Căn cứ: Điều 56; khoản 2, khoản 3 Điều 59; khoản 2 Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ: khoản 1 Điều 27; khoản 1, khoản 2 Điều 32 của Luật hôn nhân và gia đình 2000.

Căn cứ: Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ: điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Trần Đăng T và chị Đào Thị Hồng P.

2. Về chia tài sản:

2.1. Chia cho anh Trần Đăng T được quyền sở hữu căn nhà bê tông 2 tầng và được quyền sử dụng diện tích 99m^2 đất tại thửa đất số 353 tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định: Phía Đông Bắc giáp thửa đất số 308; phía Tây Nam giáp đường Lương Thế Vinh; phía Đông Nam giáp thửa đất số 352; phía Tây Bắc giáp ngõ số 68 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (có sơ đồ kèm theo).

Anh Trần Đăng T có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Chia cho anh Trần Đăng T được quyền sử dụng 01 bộ bàn ghế phòng khách bằng gỗ; 01 bộ bàn ghế ăn bằng gỗ; 01 giường ngủ, 01 tủ bếp bằng gỗ; 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ; 01 tủ tường bằng gỗ; 01 máy cưa to; 02 máy tiện gỗ dùng điện 3 pha; 04 trụ cầu thang gỗ nghiến.

2.3. Chia cho chị Đào Thị Hồng P được quyền sử dụng 01 sập gỗ; 01 kệ ti vi bằng gỗ; 03 máy tiện gỗ; 01 máy cưa nhỏ; 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ; 07 trụ cầu thang gỗ lim.

3. Anh Trần Đăng T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Đào Thị Hồng P tổng số tiền là 418.221.372 đồng (bốn trăm mười tám triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, chị Đào Thị Hồng P có kháng cáo với nội dung: Chị không nhất trí với bản án sơ thẩm về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất tại số 66 đường L, phường T, thành phố N. Tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 353 tờ bản đồ số 3 diện tích 99m^2 mang tên Trần Đăng T và vợ là bà Đào Thị Hồng P tại địa chỉ 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất ngày 24/9/2014. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết:

- Xác định anh Trần Đăng T đã có sự thoả thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng.

- Công nhận tài sản chung của vợ chồng là toàn bộ diện tích 99m^2 đất thể hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng tại số 66 đường L, phường T, thành phố N.

- Chia cho chị bằng hiện vật là ½ diện tích nhà và đất thuộc tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên toà:

- Chị Đào Thị Hồng P và anh Trần Đăng T nộp cho Toà án biên bản thoả thuận đề ngày 20/01/2018 với nội dung:

Chị Đào Thị Hồng P và anh Trần Đăng T đã cùng nhau thống nhất về việc phân chia tài sản chung của anh chị và đề nghị Toà án công nhận những nội dung đã thống nhất: anh Trần Đăng T được quyền sở hữu căn nhà bê tông 2 tầng và được quyền sử dụng diện tích 99m^2 đất tại thửa đất số 353 tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định và được quyền sử dụng 01 bộ bàn ghế phòng khách bằng gỗ; 01 bộ bàn ghế ăn bằng gỗ; 01 giường ngủ, 01 tủ bếp bằng gỗ; 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ; 01 tủ tường bằng gỗ; 01 máy cưa nhỏ; 03 máy tiện gỗ; 04 trụ cầu thang gỗ nghiến.

Anh Trần Đăng T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Đào Thị Hồng P tổng số tiền là 420.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Chị Đào Thị Hồng P được quyền sử dụng 01 sập gỗ; 01 kệ ti vi bằng gỗ; 02 máy tiện gỗ dùng điện 3 pha; 01 máy cưa to; 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ; 07 trụ cầu thang gỗ lim.

Ngoài các tài sản trên anh chị không còn tài sản chung nào khác.

Những vấn đề khác đề nghị giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Đại diện VKS trình bày quan điểm: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên toà các đương sự đã tự nguyện thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên toà, anh Trần Đăng T và chị Đào Thị Hồng P đã tự nguyện thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thoả thuận của anh T và chị P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của anh Trần Đăng T và chị Đào Thị Hồng P.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về án phí: các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điều 56; khoản 2, khoản 3 Điều 59; khoản 2 Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 27; khoản 1, khoản 2 Điều 32 của Luật hôn nhân và gia đình 2000; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Trần Đăng T và chị Đào Thị Hồng P.

2. Về tài sản:

2.1. Chia cho anh Trần Đăng T được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 99m^2 đất cùng công trình xây dựng có trên đất thuộc thửa đất số 353 tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có vị trí: Phía Đông Bắc giáp thửa đất số 308; phía Tây Nam giáp đường Lương Thế Vinh; phía Đông Nam giáp thửa đất số 352; phía Tây Bắc giáp ngõ số 68 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Cùng các tài sản gồm: 01 bộ bàn ghế phòng khách bằng gỗ; 01 bộ bàn ghế ăn bằng gỗ; 01 giường ngủ, 01 tủ bếp bằng gỗ; 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ; 01 tủ tường bằng gỗ; 01 máy cưa nhỏ; 03 máy tiện gỗ; 04 trụ cầu thang gỗ nghiến.

2.2. Chia cho chị Đào Thị Hồng P được quyền sử dụng 01 sập gỗ; 01 kệ ti vi bằng gỗ; 02 máy tiện gỗ dùng điện 3 pha; 01 máy cưa to; 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ; 07 trụ cầu thang gỗ lim.

2.3. Anh Trần Đăng T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Đào Thị Hồng P tổng số tiền là 420.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Chị Đào Thị Hồng P được nhận tiền chênh lệch tài sản từ anh Trần Đăng T số tiền là 420.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Các đương sự đã thanh toán cho nhau xong khoản tiền chênh lệch tài sản.

Anh Trần Đăng T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Anh Trần Đăng T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000080 ngày 20-6-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, anh T đã nộp xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Án phí chia tài sản: Anh Trần Đăng T và chị Đào Thị Hồng P mỗi người phải nộp 300.000đồng.

Chị Đào Thị Hồng P được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000130 ngày 10-7-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, chị P được hoàn lại 15.700.000đồng (mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đào Thị Hồng P phải nộp 300.000đồng. Đối trừ số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000319 ngày 21-11-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, chị P đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố NĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Thị Minh Hồng

anh Trần Đăng T và chị Đào Thị Hồng P kết hôn trên tinh thần tự nguyện và đã có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T không còn thiết tha hàn gắn hạnh phúc gia đình. Toà án cấp sơ thẩm đã xử ly hôn giữa anh T và chị P là hoàn toàn phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tài sản:

2.1. Tổng tài sản mà các đương sự yêu cầu giải quyết gồm:

- Thửa đất có diện tích 99m^2 thuộc thửa số 353 tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Trị giá: 975.300.000đồng.

- Nhà bê tông 2 tầng và công trình xây dựng trên đất trị giá 346.792.745đồng.

- Cùng các tài sản khác, gồm: 01 sập gỗ gụ, 01 bộ bàn ghế phòng khách bằng gỗ, 01 bộ bàn ghế ăn bằng gỗ, 01 kệ ti vi bằng gỗ, 01 giường ngủ, 01 tủ

bếp bằng gỗ, 02 tủ đựng quần áo bằng gỗ, 01 tủ tường bằng gỗ, 01 máy cưa to, 05 máy tiện, 11 trụ cầu thang gỗ (trong đó có 04 trụ gỗ nghiến loại to, 07 trụ gỗ lim nhỏ), 01 máy cưa nhỏ. Tổng trị giá: 84.000.000đồng.

2.2. Anh T và chị P thống nhất:

- Tiền vợ chồng bỏ ra xây nhà bê tông 2 tầng và công trình xây dựng trên đất trị giá 346.792.745đồng. Đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

- Chia cho chị P được nhận sử dụng: 01 sập gỗ gụ, 01 kệ ti vi bằng gỗ, 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ, 07 trụ cầu thang gỗ lim.

- Chia cho anh T được nhận sử dụng: 01 bộ bàn ghế phòng khách bằng gỗ, 01 bộ bàn ghế ăn bằng gỗ, 01 giường ngủ, 01 tủ bếp bằng gỗ, 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ, 01 tủ tường bằng gỗ, 04 trụ cầu thang gỗ nghiến.

2.2. Tài sản mà anh T và chị P chưa thống nhất chia và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, gồm:

- Quyền sở hữu, sử dụng 99m^2 đất thuộc thửa số 353 tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định cùng nhà bê tông 2 tầng và công trình xây dựng trên đất.

- 05 máy tiện gỗ, 02 máy cưa.

[3] Xét kháng cáo của chị Đào Thị Hồng P, Hội đồng xét xử nhận định:

- Nguồn gốc thửa đất số 353 tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định là của NLQ1 mua của bà Hoàng Thị Dung năm 1992.

Thửa đất số 353 tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07-10-2005 mang tên NLQ1 cùng với Trần Đăng T.

Ngày 01-8-2014 ông Trần Đăn Cung và bà Trần Thị Lan làm "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất", nội dung: ông bà tặng cho con trai và con dâu là Trần Đăng T, Đào Thị Hồng P phần diện tích được hưởng là 49,5m^2. **(BL 65: NLQ1 và bà Trần Thị Lan tặng cho con trai và con dâu phần tài sản mà mình được hưởng là 89m^2).** Hợp đồng có công chứng, chứng thực.

Thửa đất số 353 tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24-9-2014 mang tên Trần Đăng T và Đào Thị Hồng P.

Theo chị P: ….

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: ngày 01-8-21… chủ sử dụng đất là Trần Đăng T cùng với Đào Thị Hồng P có đơn xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 259). Tại mục "4." ghi: "Chúng tôi nhận chuyển nhượng của ông bà Trần Đăng Cung, diện tích 99m^2" nhưng tại mục "6. Lý do: nhận tặng cho".

Tại phiên toà, chị Phần xác nhận đơn do chị làm và chị ký. Hôm đó anh T có đi nhưng do… nên không ký.

Anh Trần Đăng T, NLQ1 và bà Trần Thị Lan đều có quan điểm: ông bà chỉ cho vợ chồng anh T, chị P 49,5m^2 trong tổng số 99m^2 đất thuộc thửa số 353 tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Còn lại diện tích 49,5m^2 ông bà đã cho anh T từ năm ….. đây là tài sản riêng của anh T. Vì ông bà cho anh T 49,5m^2 đất này là để ông bà sống chung cùng với anh T và để anh T có trách nhiệm chăm lo cho ông bà, khi ông bà về già làm chỗ thờ cúng. Nay vợ chồng anh T chị P ly hôn, ông bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo anh T, anh được bố mẹ tặng cho 49,5m^2 đất là để chăm lo cho bố mẹ và khi bố mẹ về già thì làm nơi thờ cúng nên 49,5m^2 đất đó là tài sản riêng của anh. Anh chưa nhập vào tài sản chung của vợ chồng. Tài sản chung của anh và chị P chỉ có 49,5m^2 mà bố mẹ đã cho.

Việc anh T được NLQ1, NLQ2 tặng cho anh T 49,5m^2 đất là tặng cho có điều kiện. Chị Lan đi làm đơn xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có cả diện tích đất mà anh T được bố mẹ tặng cho anh T khi chưa có ý kiến (sự đồng ý) của Thành. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được các đương sự xác nhận không có văn bản giấy tờ gì về việc anh T đồng ý nhập tài sản riêng của mình vào khối tài sản chung của vợ chồng.

Toà án cấp sơ tẩm đã xác định 49,5m^2 trong tổng số 99m^2 đất thuộc thửa số 353 tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định là tài sản chung của anh T và chị P là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Do vậy kháng cáo của chị P cho rằng: anh Trần Đăng T đã có sự thoả thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng và đề nghị công nhận tài sản chung của vợ chồng là toàn bộ diện tích 99m^2 đất thể hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng tại số 66 đường L, phường T, thành phố N là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Xét thấy, đến nay vợ chồng anh T, chị P đã xây dựng nhà bê tông 2 tầng trên toàn bộ diện tích 99m^2 đất. Tuy nhiên, đất có nguồn gốc là của gia đình anh

T; anh T làm nghề thợ mộc từ trước khi cưới chị P; 49,5m^2 trong tổng số 99m^2 đất là tài sản riêng của anh T được bố mẹ tặng cho có điều kiện . Do vậy, cần giao cho anh T được nhận quản lý, sử dụng toàn bộ phần tài sản chung của vợ chồng là nhà đất và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch bằng giá trị cho chị P. Kháng cáo của chị P về việc đề nghị chia cho chị bằng hiện vật là ½ diện tích nhà và đất thuộc tài sản chung của vợ chồnglà không có cơ sở chấp nhận.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự có kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: : Điều 56; khoản 2, khoản 3 Điều 59; khoản 2 Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ: khoản 1 Điều 27; khoản 1, khoản 2 Điều 32 của Luật hôn nhân và gia đình 2000.

Căn cứ: Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ: điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Trần Đăng T và chị Đào Thị Hồng P.

2. Về chia tài sản:

2.1. Chia cho anh Trần Đăng T được quyền sở hữu căn nhà bê tông 2 tầng và được quyền sử dụng diện tích 99m^2 đất tại thửa đất số 353 tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ Số nhà 66 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định: Phía Đông Bắc giáp thửa đất số 308; phía Tây Nam giáp đường Lương Thế Vinh; phía Đông Nam giáp thửa đất số 352; phía Tây Bắc giáp ngõ số 68 đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (có sơ đồ kèm theo).

Anh Trần Đăng T có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Chia cho anh Trần Đăng T được quyền sử dụng 01 bộ bàn ghế phòng khách bằng gỗ; 01 bộ bàn ghế ăn bằng gỗ; 01 giường ngủ, 01 tủ bếp bằng gỗ; 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ; 01 tủ tường bằng gỗ; 01 máy cưa to; 02 máy tiện gỗ dùng điện 3 pha; 04 trụ cầu thang gỗ nghiến.

2.3. Chia cho chị Đào Thị Hồng P được quyền sử dụng 01 sập gỗ; 01 kệ ti vi bằng gỗ; 03 máy tiện gỗ; 01 máy cưa nhỏ; 01 tủ đựng quần áo bằng gỗ; 07 trụ cầu thang gỗ lim.

3. Anh Trần Đăng T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Đào Thị Hồng P tổng số tiền là 418.221.372 đồng (bốn trăm mười tám triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng).

3. Về án phí:

- Chị Hà Thị Kim Tuyến phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 08386 ngày 01/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị Tuyến đã nộp xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đào Đức Đạt phải nộp 300.000đồng. Đối trừ số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 08529 ngày 04/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, anh Đạt đã nộp xong tiền án phí DS/PT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết Vũ Hà Nam **Mai Thị Minh Hồng**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **NAM** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ***0/2018/DS-PT***
Ngày: ***27 - 3 - 2018***
V/v tranh chấp: Quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hà Nam.
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:*** Bà Trần Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2017/TLPT – DS ngày 26/10/2017, về tranh chấp: Quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/DS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 0/2018/QĐ - PT ngày 0/0/2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:***

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Tuyết: ông Nguyễn Văn Tăng (là chồng).

- ***Bị đơn:*** Ông

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn Chính: bà Hoàng Thị Quy (là vợ).

Các đương sự đều trú tại: Thôn Phúc Lộc, xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông Nguyễn Văn Việt, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số 11 ngõ 3 phố Cù Chính Lan, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- ***Người kháng cáo:*** Bà Hoàng Thị Quy (Là bị đơn).

- ***Viện kiểm sát kháng nghị:*** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2016, tại bản tự khai cũng như quá trình tiến hành tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Tăng (tức Nguyễn Thanh Tăng), bà Nguyễn Thị Tuyết trình bày:

Bà Hoàng Thị Quy trình bày:

Theo ông Nguyễn Văn Việt trình bày:

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/DS – ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên đã quyết định:

Áp dụng: Điều 169, 603 BLDS 2005; Điều 49, 50, 105, 136 Luật đất đai 2003; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên biện pháp bảo đảm thi hành án, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, bà Hoàng Thị Quy có kháng cáo với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét

Ngày 09/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định có kháng nghị với nội dung:

Tại phiên toà phúc thẩm:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn Nghĩa phải nộp 200.000đồng.

Trả lại cho bà Đỗ Thị Dung số tiền 200.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 07078 ngày 05/7/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực.